BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37 /2026/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

THÔNG TƯ

Ban hành danh mục ngành, nghề đặc thù thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục ngành, nghề đặc thù thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này danh mục ngành, nghề đặc thù thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2026

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ vào danh mục ngành, nghề trong giáo dục nghề nghiệp; các nguyên tắc và tiêu chí tại Phụ lục của Thông tư này; nhu cầu sử dụng nhân lực; thực tiễn tổ chức đào tạo và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, có trách nhiệm tổ chức rà soát, đánh giá danh mục ngành, nghề đặc thù thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao; đề xuất việc bổ sung, điều chỉnh danh mục, gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHXH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Cục kiểm tra VB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- UBND tỉnh, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GDĐT.
- Lưu: VT, GDNNGDTX (15).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quân

DANH MỤC

NGÀNH, NGHỀ ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT, THỂ THAO

(Kèm theo Thông tư số 37 /2026/TT-BGDĐT ngày29tháng4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Mã(**)	Giáo dục trung học nghề	Mã(*)	Trình độ trung cấp	Mã(*)	Trình độ cao đẳng
			5		**6**	
	21	**Nghệ thuật**	**521**	**Nghệ thuật**	**621**	**Nghệ thuật**
	2101	***Mỹ thuật***	**52101**	***Mỹ thuật***	**62101**	***Mỹ thuật***
1	210102	Điêu khắc	5210102	Điêu khắc	6210102	Điêu khắc
2	210103	Hội họa	5210103	Hội họa	6210103	Hội họa
3	210104	Đồ họa	5210104	Đồ họa	6210104	Đồ họa
4	210105	Gốm	5210105	Gốm	6210105	Gốm
5	210404	Thiết kế mỹ thuật Sân khấu-Điện ảnh	5210404	Thiết kế mỹ thuật Sân khấu-Điện ảnh	6210404	Thiết kế mỹ thuật Sân khấu-Điện ảnh
	2102	***Nghệ thuật trình diễn***	***52102***	***Nghệ thuật trình diễn***	***62102***	***Nghệ thuật trình diễn***
6	210201	Nghệ thuật biểu diễn ca kịch Huế	5210201	Nghệ thuật biểu diễn ca kịch Huế		
7	210202	Nghệ thuật biểu diễn dân ca	5210202	Nghệ thuật biểu diễn dân ca	6210202	Nghệ thuật biểu diễn dân ca
8	210203	Nghệ thuật biểu diễn chèo	5210203	Nghệ thuật biểu diễn chèo		
9	210204	Nghệ thuật biểu diễn tuồng	5210204	Nghệ thuật biểu diễn tuồng		
10	210205	Nghệ thuật biểu diễn cải lương	5210205	Nghệ thuật biểu diễn cải lương		
11	210208	Nghệ thuật biểu diễn xiếc	5210208	Nghệ thuật biểu diễn xiếc	6210208	Nghệ thuật biểu diễn xiếc
12	210211	Diễn viên kịch - điện ảnh	5210211	Diễn viên kịch - điện ảnh	6210211	Diễn viên kịch - điện ảnh
13	210213	Diễn viên múa	5210213	Diễn viên múa	6210213	Diễn viên múa
14			5210214	Biên đạo múa	6210214	Biên đạo múa
15					6210215	Huấn luyện múa
16	210216	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	5210216	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	6210216	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
17	210217	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	5210217	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	6210217	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây

STT	Mã(**)	Giáo dục trung học nghề	Mã(*)	Trình độ trung cấp	Mã(*)	Trình độ cao đẳng
18	210218	Đờn ca nhạc tài tử Nam Bộ	5210218	Đờn ca nhạc tài tử Nam Bộ		
19	210219	Nhạc công kịch hát dân tộc	5210219	Nhạc công kịch hát dân tộc		
20	210220	Nhạc công truyền thống Huế	5210220	Nhạc công truyền thống Huế		
21	210221	Piano	5210221	Piano	62102121	Piano
22	210222	Nhạc Jazz	5210222	Nhạc Jazz	6210222	Nhạc Jazz
23	210223	Violon	5210223	Violon		
24	210224	Organ	5210224	Organ		
25	210225	Thanh nhạc	5210225	Thanh nhạc	6210225	Thanh nhạc
26	210226	Lý thuyết âm nhạc	5210226	Lý thuyết âm nhạc		
27			5210227	Sáng tác âm nhạc	6210227	Sáng tác âm nhạc
28			5210228	Chỉ huy hợp xướng	6210228	Chỉ huy âm nhạc
29			5210229	Biên tập và dàn dựng ca, múa, nhạc		
30	210232	Quay phim	5210232	Quay phim	6210232	Quay phim
31					6210234	Đạo diễn sân khấu
32	210237	Tạp kỹ	5210237	Tạp kỹ	6210237	Tạp kỹ
33	210238	Công nghệ âm nhạc	5210238	Công nghệ âm nhạc		
	2103	***Nghệ thuật nghe nhìn***	***52103***	***Nghệ thuật nghe nhìn***	***62103***	***Nghệ thuật nghe nhìn***
34	210303	Nhiếp ảnh	5210303	Nhiếp ảnh	6210303	Nhiếp ảnh
35	210309	Công nghệ điện ảnh - truyền hình	5210309	Công nghệ điện ảnh - truyền hình	6210309	Công nghệ điện ảnh - truyền hình
	8103	**Thể thao**				
36	810301	Vận động viên thể thao				

Phụ lục

NGUYÊN TẮC GẮN MÃ VÀ TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH NGÀNH, NGHỀ ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT, THỂ THAO

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Giải thích từ ngữ

1. Danh mục ngành, nghề đào tạo đặc thù thuộc lĩnh vực nghệ thuật là tập hợp các ngành, nghề đào tạo có tính chất khác biệt so với các ngành, nghề đào tạo thông thường, gắn với hoạt động sáng tác, chuyển thể, biểu diễn trong các lĩnh vực mỹ thuật, nghệ thuật trình diễn và nghệ thuật nghe nhìn; đòi hỏi người học có năng khiếu, tố chất sáng tạo, cảm thụ và biểu đạt nghệ thuật; quá trình đào tạo chuyên sâu, điều kiện tổ chức đào tạo đặc thù và phương thức đánh giá, công nhận kết quả học tập riêng biệt.

2. Danh mục ngành, nghề đặc thù thuộc lĩnh vực thể thao là tập hợp các ngành, nghề đào tạo có tính chất khác biệt so với các ngành, nghề đào tạo thông thường, gắn với hoạt động huấn luyện, thi đấu, tổ chức và quản lý thể dục, thể thao; đòi hỏi người học có năng khiếu, thể chất và tố chất vận động đặc thù; quá trình đào tạo chuyên sâu, cường độ cao, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên dụng và phương thức đánh giá, công nhận kết quả học tập, thi đấu riêng biệt.

II. Nguyên tắc gắn mã

1. (*) Giữ nguyên mã số các ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong giáo dục nghề nghiệp đã được ban hành; trường hợp văn bản này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế dẫn đến thay đổi mã số, việc điều chỉnh sẽ được thực hiện tương ứng để bảo đảm thống nhất, phù hợp với quy định. Do vậy, mã ngành, nghề đặc thù thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng bao gồm 07 chữ số, trong đó chữ số đầu thể hiện trình độ đào tạo, hai chữ số liền kề thể hiện lĩnh vực đào tạo, 02 chữ số tiếp theo thể hiện nhóm ngành, nghề đào tạo. 02 chữ số cuối thể hiện mã ngành, nghề đào tạo.

2. (**) Đối với chương trình giáo dục trung học nghề, trước mắt chưa thực hiện việc gắn mã cấp I (trình độ đào tạo) vào mã số của chương trình cho đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân có quy định cụ thể đối với chương trình giáo dục trung học nghề. Trong giai đoạn chuyển tiếp, mã chương trình giáo dục trung học nghề được thiết kế theo cấu trúc: mã lĩnh vực đào tạo - mã nhóm ngành, nghề đào tạo - mã ngành, nghề đào tạo. Sau khi danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân được ban hành và có quy định về mã cấp I đối với chương trình giáo dục trung học nghề, việc gắn mã cấp I sẽ được thực hiện và cập nhật theo quy định.

III. Tiêu chí xác định ngành, nghề đặc thù

1. Ngành, nghề được xác định là ngành, nghề đào tạo đặc thù khi đáp ứng đầy đủ 08 tiêu chí quy định tại Khoản 2 Phụ lục của Thông tư này; trong đó, đối với mỗi tiêu chí, ngành, nghề phải đáp ứng ít nhất một trong các nội dung thể hiện

của tiêu chí đó. Không xem xét đưa vào Danh mục các ngành, nghề có tính chất đào tạo thông thường, điều kiện lao động ổn định, không yêu cầu năng khiếu, tố chất đặc thù hoặc không có sự khác biệt rõ rệt về nội dung, phương thức đào tạo và đánh giá so với các ngành, nghề khác.

2. Tiêu chí xác định ngành, nghề đào tạo đặc thù

a) Nội dung đào tạo: Chương trình đào tạo tập trung chủ yếu vào rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, năng lực biểu diễn, sáng tạo nghệ thuật hoặc thi đấu thể thao; thời gian đào tạo thực hành chiếm tối thiểu 60% tổng thời gian đào tạo của ngành, nghề.

b) Yêu cầu năng khiếu, tố chất: Người học phải có năng khiếu, tố chất đặc thù phù hợp với yêu cầu của ngành, nghề; việc tuyển sinh có thể thông qua kiểm tra, đánh giá năng khiếu.

c) Đào tạo năng khiếu chuyên sâu, dài hạn: Ngành, nghề có yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng người học từ sớm; việc tuyển chọn và bồi dưỡng năng khiếu được thực hiện theo quy trình liên tục, kéo dài, tích lũy theo lộ trình nhiều giai đoạn, một số ngành, nghề được tổ chức tích hợp giữa đào tạo chuyên môn và đào tạo kiến thức văn hóa.

d) Điều kiện và tính chất lao động: Công việc có thời gian làm việc không ổn định, mang tính lưu động hoặc không liên tục hoặc phụ thuộc vào lịch biểu diễn, thi đấu; sử dụng trang thiết bị, công cụ, kỹ thuật chuyên dụng, đặc thù.

đ) Yêu cầu đào tạo: Việc tổ chức đào tạo chủ yếu dựa trên rèn luyện năng lực thực hành, năng lực biểu diễn, tư duy nghệ thuật, thể chất hoặc kỹ năng thi đấu; không thuần túy dựa trên tích lũy kiến thức lý thuyết; việc sắp xếp lớp học có tính chất đặc thù theo từng ngành, nghề đào tạo.

e) Phương thức đánh giá, công nhận kết quả học tập: Kết quả đào tạo được đánh giá chủ yếu thông qua năng lực sáng tạo, biểu diễn hoặc thành tích thi đấu của người học, thể hiện qua sản phẩm nghệ thuật, chương trình biểu diễn, tác phẩm sáng tạo hoặc kết quả thi đấu; không phụ thuộc chủ yếu vào các hình thức kiểm tra, đánh giá truyền thống.

g) Tính đặc thù của nhiệm vụ nghề nghiệp: Nội dung công việc và kỹ năng nghề nghiệp có tính chuyên biệt, khó thể thay thế, một số ngành, nghề có quy mô đào tạo nhỏ nhưng có ý nghĩa trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, nghệ thuật, việc đào tạo cần phải được duy trì.

h) Tác động kinh tế - xã hội: Ngành, nghề có yêu cầu đầu tư lớn, hiệu quả kinh tế trực tiếp có thể không cao nhưng có đóng góp quan trọng đối với phát triển văn hóa, xã hội, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống hoặc góp phần nâng cao thành tích, uy tín và vị thế của quốc gia.